

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-7-2020

*“V/v ly hôn và tranh chấp
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Phan Thị Cẩm.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn K, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Anh K và chị T chung sống năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh K thường dùng lời lẽ nhục mạ chị, cuộc sống gia đình không hạnh phúc; vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn không thể chung sống với nhau được nữa nên chị T xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Phạm Văn K, giới tính nam, sinh ngày 18/10/2005 và Phạm Quốc T, giới tính nam, sinh ngày 29/8/2012; các con hiện đang sống chung với chị T. Nay ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Phạm Văn K để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh K không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K là đúng quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn K. Về con chung, đề nghị giao Phạm Văn K, giới tính nam, sinh ngày 18/10/2005 và Phạm Quốc T, giới tính nam, sinh ngày 29/8/2012 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Phạm Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh K không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh K và có yêu cầu nuôi con chung và anh Phạm Văn K là bị đơn hiện đang cư trú tại ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2003, anh chị chung sống là tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông, bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay anh chị xảy ra mâu thuẫn nên chị T xin ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh K.

[2.2] Về con chung: Theo lời trình bày của chị T, giấy khai sinh của cháu K, cháu T có cơ sở xác định trong thời gian chung sống, anh K và chị T có 02 người con chung tên Phạm Văn K, giới tính nam, sinh ngày 18/10/2005 và Phạm Quốc T, giới tính nam, sinh ngày 29/8/2012; hiện các con đang sống chung với chị T. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi các con, cuộc sống của các con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận chị T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Phạm Văn K, giới tính nam, sinh ngày 18/10/2005 và Phạm Quốc T, giới tính nam, sinh ngày 29/8/2012 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu T. Anh K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn K.

2 - Về con chung: Cháu Phạm Văn K, giới tính nam, sinh ngày 18/10/2005 và Phạm Quốc T, giới tính nam, sinh ngày 29/8/2012 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu T. (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu. Anh K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở

3 - Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006349 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5 - Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/7/2020); bị đơn anh Phạm Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS V;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Kiều Diễm
(Đã ký)